TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BC** **THÀNH PHỐ THÀNH CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24 -01 -2019
V/v tranh chấp*: "Ly hôn".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Phước Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nguyên.

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thọ -Thư ký Tòa án nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh – Ông Võ Kim Cường tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BC, Thành Phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1194/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 09 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 527/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2019/ QĐST-HNGĐ, ngày 08 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Huỳnh Thị Mỹ L; sinh năm 1991; Địa chỉ hộ khẩu thường trú A13, xã C, huyện TT, tỉnh ST. Hiện tạm trú tại C4/8, xã BH, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà L có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn H; sinh năm 1985; Địa chỉ hộ khẩu thường trú A13, xã C, huyện TT, tỉnh ST. Hiện tạm trú tại C4/8, xã BH, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 09 năm 2018, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hoa giải nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mỹ L trình bày: Bà và ông Trần Văn H chung

sống vợ chồng từ năm 2013, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 11/2013/ KH, quyển số 01/2013 ngày 24/01/2003 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện TT, tỉnh ST cấp. Vợ chồng chung được một thời gian và có 01 con chung là Trần Huỳnh Như, sinh ngày 14/08/2014, hiện đang sống với mẹ là bà L. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau về tính tình và quan điểm sống, ông Trần Văn H không lo làm ăn phụ bà nuôi con mà thường xuyên ăn chơi bài bạc, đá gà nhiều lần gây nợ nần bà phải trả mặc dù bà đã cố gắng nhiều lần hòa giải khuyên bảo nhiều lần nhưng ông H không thay từ đó mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, từ năm 2018 bà đã bỏ ra ngoài thuê nhà sống với con và từ đó vợ chồng chính thức ly thân và không ai còn quan tâm đến ai trong thời gian Tòa án giải quyết việc ly hôn.

Nay, bà xác định không còn tình cảm với ông Trần Văn H và cũng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu tòa án xử cho bà được ly hôn với ông H để bà ổn định cuộc sống riêng làm nuôi con.

Về con chung: Có 01 con chung là Trần Huỳnh Như, sinh ngày 14/08/2014 nay ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết .

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định không có nợ ai và không cho ai vay nợ.

- Bị đơn ông Trần Văn H tại Bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hoa giải đã trình bày, việc vợ chồng chung sống, kết hôn, và có con chung là đúng, ông cũng thừa nhận trong thời gian qua ông có ham chơi chưa lo làm ăn phụ bà nuôi con, nay ông đã thấy sai và hứa sữa đổi vì vậy không đồng ý ly hôn và đề nghị đoàn tụ. Tuy nhiên sau đó ông không đến Tòa án nữa mặc dù đã được Tòa án đã tống đạt đầy đủ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập ông H đến Tòa án để tham gia phiên tòa nhưng ông H vẫn không đến vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Văn H theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mỹ L vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn H yêu cầu tiếp tục được nuôi con, bà tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung bà xác định không có, nợ chung bà xác định không có.

- Bị đơn ông Trần Văn H vắng mặt tại phiên tòa;

- Đại diện Viện Kiểm Sát Nhân Dân, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến quan điểm về tố tụng và nội dung qua quá trình kiểm sát cụ thể:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử : Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, như thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp, xác định

đúng tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng, việc xác định thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến Điều 97 BLTTDS.Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho VKS và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 BLTTDD, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 BLTTDS năm 2015. Quyết định đưa vụ án ra xét xử đã gửi cho Viện KSND huyện BC, thời hạn gửi hồ sơ cho VKS nghiên cứu đúng hạn.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại Điều 63 BLTTDS; tiến hành thủ tục khai mạc phiên tòa, thủ tục hỏi theo đúng quy định tại các Điều 239, Điều 249 BLTTDS; xét xử trực tiếp, bằng lời nói theo quy định tại Điều 225 BLTTDS. Tại phiên tòa đương sự không có ý kiến về việc thay đổi những người tham gia tố tụng.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 BLTTDS. Đối với bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, bị đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình vi phạm quy định tại khoản 16 Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà L nộp đơn khởi kiện về "Tranh chấp ly hôn " với bị đơn là ông H, ngày 24/9/2018 Tòa án nhân dân huyện BC thụ lý vụ án dân sự số 1194/2018/TLST-HNGĐ. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 11/2013/ KH, quyển số 01/2013 ngày 24/01/2003 11/2001, tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện TT, tỉnh ST cấp tại là có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà L ông B là có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà L ông H là hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong các bản tự khai, bà L cho rằng " ông H thường xuyên chơi bời cờ bạc và nợ nần tiền người khác, nay bà nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài "; nên bà yêu cầu ly hôn với ông H, còn ông H tự khai nhận rằng " Ông có lỗi với vợ con ông chơi bời nhiều lần vợ nói mà không nghe, cho ông cơ hội sữa đổi để làm lại từ đầu để được nuôi vợ nuôi con, tuy ăn chơi nhưng chưa bao giờ bỏ vợ con đói khổ hoặc hành hạ vợ con….ông không muốn ly hôn". Về con chung : Có 01 con chung là Trần Huỳnh Như, sinh ngày 14/08/2014. về tài sản chung bà xác định không có, nợ chung bà xác định không có.

- Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận yêu cầu ly hôn theo đơn khởi kiện của bà L. Án phí bà L chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết:

- Xét nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mỹ L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn H. Yêu cầu này được luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 điều chỉnh từ Điều 51 đến Điều 58. Xét bị đơn ông Trần Văn H cư trú tại C4/8, ấp 4, xã BH, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ theo kết quả xác minh của Ủy ban

nhân dân xã BH, huyện BC,Thành phố Hồ Chí Minh theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

- Xét yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị Mỹ L được quy định tại các Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về quan hệ hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị Mỹ L và ông Trần Văn H có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số Giấy chứng nhận kết hôn số Giấy chứng nhận kết hôn số 11/2013/ KH, quyển số 01/2013 ngày 24/01/2003 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện TT, tỉnh ST cấp nên là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Xét việc bị đơn ông trong quá trình giải quyết vụ án đã viết bản tự khai trình bày ý kiến của mình và tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải xác định việc chung sống vợ chồng và đăng ký kết hôn là đúng sự thật, hiện nay hai vợ chồng đã ly thân được một thời gian nhưng ông còn thương vợ và không đồng ý ly hôn, sau đó mặc dù được tống đạt hợp lệ nhưng ông H không đến Tòa án để tham gia phiên tòa, vì vậy Tòa án lập biên bản ghi nhận sự việc, tiến hành niêm yết các thủ tục thông báo về việc xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.

- Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Trần Văn H vắng mặt nên Tòa án xét xử là phù hợp các Điều 227, 228, 254 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3]. Về nội dung tranh chấp:

[3.1]. Xét yêu cầu của bà Huỳnh Thị Mỹ L về việc ly hôn với ông Trần Văn H là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ:

- Căn cứ vào đơn khởi kiện và phần trình bày của bà Huỳnh Thị Mỹ L tại bản tự khai, biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như và tại phiên tòa hôm nay nhận thấy: Trong thời gian chung sống vợ chồng giữa bà L và ông H đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không hòa giải được và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, nguyên nhân do tính tình và quan điểm sống không hợp, ông H không lo làm ăn phụ bà nuôi con mà thường xuyên đá gà mê cờ bạc, hiện nay vợ chồng hiện đã ly thân được một thời gian dài và không ai còn quan tâm đến ai như vậy không còn khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng, do đó bà L yêu cầu ly hôn là phù hợp với quy định tại các Điều 51, 53, 55, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Xét ông Trần Văn H, trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện phần trình bày bản tự khai, biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng xác định việc chung sống vợ chồng và đăng ký kết hôn là đúng sự thật, trong thời gian chung sống ông đã có ham mê cờ bạc nhiều lần gây nợ nần làm khổ vợ con, nhưng không đồng ý ly hôn ví còn thương vợ con, nhưng ông H cũng không đưa ra hướng giải quyết khắc phục cho bản thân để giải quyết những mâu thuẫn này, ngoài ra ông cũng thừa nhận hiện nay hai vợ chồng đã ly

thân được một thời gian không ai còn quan tâm đến ai. Sau đó ông H không đến Tòa và mặc dù được tống đạt hợp lệ nhưng ông H vẫn vắng mặt không lý do nên như vậy chứng tỏ ông H cũng không tha thiết hòa giải đoàn tụ vợ chồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu ly hôn của bà L.

[3.2]. - Xét yêu cầu của bà Huỳnh Thị Mỹ L về việc được tiếp tục được nuôi con là trẻ Trần Huỳnh Như, sinh ngày 14/08/2014 là có cơ sở chấp nhận. Việc nuôi dưỡng con là trách nhiệm của cả cha và mẹ, tuy nhiên hiện trẻ đang được mẹ ruột là bà L nuôi dưỡng chăm sóc đã ổn định, mặc khác bà L trình bày hiện đang có công việc và có điều kiện chăm sóc con nên việc bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- Xét về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Bà L xác định không có nợ ai và không cho ai vay nợ.

[3.3]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Huỳnh Thị Mỹ L phải nộp án dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0005987,ngày 17 tháng 09 năm 2018 của Chi cục thi hành án huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3.4]. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 70, Điều 72 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 254, Điều 269 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 8, 9, 51, 53, 56, 57, 58, 73, 82, 83, 84 và Điều 107 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 48 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào Điều 26 luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử :

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Mỹ L được ly hôn với ông Trần Văn H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 11/2013,mquyển số 01/2013 ngày 24/01/2003 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện TT, tỉnh ST cấp không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Có 01 con chung là Trần Huỳnh N, sinh ngày 14/08/2014 Giao con chung là cho mẹ ruột là bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Các bên thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), bà Huỳnh Thị Mỹ L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0005987,ngày 17 tháng 09 năm 2018 của Chi cục thi hành án huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về quyền kháng cáo: Bà Huỳnh Thị Mỹ L có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Văn H vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc nêm yết tại địa phương nơi cư trú.

***Nơi Nhận*:**
- TAND.TP Hồ Chí Minh;
- VKSND H. BC;
- CCTHA DS H. BC;
- UBND xã xã Châu Hưng, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lại Phước Trường